

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HS-ST
Ngày 29-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Quyết.

Bà Quàng Thị Hỏa.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Thiệu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

CVT, sinh ngày 01/12/2001, tại MB, ML, SL; Nơi ĐKKHKT: Bản TM, xã MB, huyện ML, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn X, sinh năm 1980 và bà Quàng Thị S, sinh 1984; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại bản án số 33/2020/HSST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đã xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2021; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bị hại:

Anh LVC, sinh năm 2003, địa chỉ: Bản T, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

Ông LVP, sinh năm 1978 là bố, địa chỉ: Bản T, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2021). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **CVT** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện ML truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 02/3/2021 CVT sinh ngày 01/12/2001 ở bản TM, xã MB, huyện ML, tỉnh SL đến nhà Lò Văn Phaứ, sinh năm 1973 ở bản Văn Minh, xã MB, huyện ML để tìm tài sản trộm cắp. CVT thấy 03 chiếc xe máy để ở sân, không có người trong coi, CVT vào dùng tay rút dây khóa điện chiếc máy nhãn hiệu ESPERO, không biển kiểm soát, sau đó dắt xe ra ngoài, nổ máy điều khiển xe từ bản Văn Minh, xã MB đi về hướng trung tâm huyện ML, tỉnh SL, đến đoạn đường thuộc bản Bủng, xã TB, huyện ML thì bị đội Cảnh sát giao thông Công an huyện ML kiểm tra, phạt vi phạm hành chính, tạm giữ phương tiện.

Người bị hại anh LVC, sinh năm 2003, địa chỉ: Bản T, xã TB, huyện ML, tỉnh SL có đơn trình báo Công an về việc tài sản bị trộm là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, không biển kiểm soát, màu nâu.

Thu giữ vật chứng gồm:

01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, màu nâu, cũ qua sử dụng.

Ngày 27/4/2021 Hội đồng định giá 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, màu nâu, cũ qua sử dụng có giá trị là 4.500.000, đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo CVT đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản cáo trạng số: 47/CT-VKSML ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ML, tỉnh SL truy tố bị cáo:

CVT về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo CVT phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo CVT từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Không phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại anh LVC: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, màu nâu, cũ qua sử dụng.

Chấp nhận gia đình người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường khắc phục hậu quả gồm:

Tiền sửa chữa khóa điện do bị cáo rút dây là 300.000, đồng;

Tiền chi phí do mất xe đi học phải đi xe buýt là: 140.000, đồng tiền đò qua sông; tiền xe buýt từ ngày 02/3/2021 đến ngày 26/5/2021 (ngày nhận lại xe) là 70 ngày (đã được trừ đi 14 ngày nghỉ học) với số tiền 80.000, đồng/ngày x 70 ngày = 5.600.000, đồng. Tổng ba khoản là 6.040.000, đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố. Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ML, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ML, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Người bị hại anh LVC có đề nghị xử vắng mặt, sự vắng mặt không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ vẫn đảm bảo quyền lợi của họ.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo CVT thừa nhận: Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 02/3/2021 đã lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, qua sử dụng có giá trị 4.500.000, đồng của anh LVC.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; đơn trình báo của người bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của người liên quan, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 4.500.000, đồng của bị cáo CVT đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[4]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội, do đó bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[5]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo CVT có nhân thân không tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa chấp hành đúng Chính sách, Pháp luật. Có biểu hiện liên quan đến sử dụng ma túy. Bị cáo có tiền án: Tại bản án số 33/2020/HSST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đã xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội là tái phạm theo quy định của khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6]. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại anh LVC: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, màu nâu, cũ qua sử dụng.

Chấp nhận gia đình người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường khắc phục hậu quả gồm:

Tiền sửa chữa khóa điện do bị cáo rút dây là 300.000, đồng;

Tiền chi phí do mất xe đi học phải đi xe buýt là: 140.000, đồng tiền đò qua sông; tiền xe buýt từ ngày 02/3/2021 đến ngày 26/5/2021 (ngày nhận lại xe) là 70 ngày (đã được trừ đi 14 ngày nghỉ học) với số tiền 80.000, đồng/ngày x 70 ngày = 5.600.000, đồng, đây là lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất. Tổng ba khoản là 6.040.000, đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h “tái phạm” khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo CVT phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo CVT 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 04/5/2021.

Không phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

2. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại anh LVC: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, màu nâu, cũ qua sử dụng.

Buộc bị cáo CVT phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh LVC gồm:

Tiền sửa chữa khóa điện do bị cáo rút dây là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng);

Tiền lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất gồm:

Tiền dò qua sông 140.000, đồng (một trăm bốn mươi nghìn đồng);

Tiền xe buýt 5.600.000, đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng ba khoản là 6.040.000, đồng (sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong”.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo CVT phải chịu án 200.000, đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29/6/2021.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- Sở tư pháp tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Công an huyện ML;
- THAHS;
- Chi cục THA dân sự huyện ML;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

